

Số: 1799/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kì thi
“Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài
Đợt 2, năm 2025, kì thi ngày 02-03/7/2025” tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 2135/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy trình tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Thông báo số 901/TB-ĐHSP ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN về việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài Đợt 2, năm 2025, kì thi ngày 02-03/7/2025;

Căn cứ Biên bản họp hội đồng ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc xét duyệt hồ sơ thi của người nước ngoài đăng kí dự thi kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 2, năm 2025, kì thi ngày 02-03/7/2025” tại Trường Đại học Sư phạm- Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Hợp tác quốc tế và đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài.

Qua

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 2, năm 2025, kì thi ngày 02-03/7/2025”. Cụ thể như sau:

- Tổng số ứng viên đăng kí tham gia kì thi: 52 ứng viên.
- Tổng số thí sinh đủ điều kiện tham gia kì thi: 52 thí sinh (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Hội đồng thi và các Ban giúp việc cho Hội đồng tổ chức kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 2, năm 2025, kì thi ngày 02-03/7/2025” đối với 52 thí sinh đủ điều kiện tại Điều 1 theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Hợp tác quốc tế và Đào tạo, Bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài, Hội đồng thi, các Ban giúp việc cho Hội đồng và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *Quê*

- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, TT HTQT-ĐTTV (3).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Mai Xuân Trường

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

DANH SÁCH THI SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ THI KÌ THI "ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC
TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
ĐỢT 2, NĂM 2025, KỲ THI NGÀY 02-03/7/2025"

(Kèm theo Quyết định số 1799 /QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường
Đại học Sư phạm)

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
1	252001	OUTTHACHIT	AMINA	28/04/2006	Nữ	P 3000788	Lào
2	252002	CHIMEDDORJ	ANKHBAYAR	16/08/1981	Nam	PE 0261630	Mông Cổ
3	252003	DAMDINDORJ	BAASANJARGAL	05/03/1993	Nữ	E 3411889	Mông Cổ
4	252004	TURTUVSHIN	BADAMZUL	20/09/2005	Nữ	PE 0318062	Mông Cổ
5	252005	TUGSSAIKHAN	BATMUNKH	11/10/1994	Nam	E 2825850	Mông Cổ
6	252006	PHANPHENG DY	BOUNNING	14/10/1986	Nữ	PA 0462847	Lào
7	252007	PHONGSAVANH	BOUNSENG	02/05/2002	Nam	P 3086685	Lào
8	252008	VONGPHACHAN	BUNTHAVY	04/11/2003	Nam	P 2961633	Lào
9	252009	PHAKHOUNLOUANG	CHANMANY	30/10/2006	Nữ	P 3067808	Lào
10	252010	SOMSANAK	CHIMA	30/12/2006	Nữ	P 3098751	Lào
11	252011	UNURBAYAR	DAGIJANCHIV	05/7/1990	Nữ	PE 0386669	Mông Cổ
12	252012	HUANG,	DONGFANG	26/8/2005	Nữ	EM6891368	Trung Quốc
13	252013	FAYIA	DOUACHEEKUE	15/06/2006	Nữ	P 3093887	Lào
14	252014	NARMANDAKH	DULGUUN	16/10/2005	Nam	E 3357367	Mông Cổ
15	252015	SENGDALA	EMMY	03/12/2005	Nữ	P 2737117	Lào
16	252016	UBISSE	FIONA FELISMINA	14/12/2005	Nữ	AB1567564	Mô-dăm-bích
17	252017	OTGON	GALBADRAKH	07/08/2006	Nam	E 3277020	Mông Cổ
18	252018	CHIBURRE	HÉRCIO JASTICE	24/09/2001	Nam	AB1590191	Mô-dăm-bích

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
19	252019	SYBOUNHAK	INTHAVONG	15/11/2006	Nam	P 3091954	Lào
20	252020	FENG,	JIAXUE	05/9/2004	Nữ	EN 8316153	Trung Quốc
21	252021	NAMMOUNTY	KANTA	25/04/2007	Nữ	P 1810322	Lào
22	252022	LAOVANGXOUA	KONGDEUAN	22/05/1989	Nữ	P 2565670	Lào
23	252023	CHETILO	MANITHIP	29/04/2006	Nữ	P 3097780	Lào
24	252024	PHOMMAVONG	MANIVONE	12/06/2007	Nữ	P 2998634	Lào
25	252025	NETTAVONG	MAYOULY	26/12/2007	Nữ	P 3018864	Lào
26	252026	CHANMANIVONG	MONENY	18/08/2003	Nữ	P 2907395	Lào
27	252027	MUNKHBAYAR	NOMINZUL	13/11/2006	Nữ	PE 0336193	Mông Cổ
28	252028	COSSA	NORDINO LISBOA	08/04/2001	Nam	AB0827557	Mô-dâm-bích
29	252029	CHANTHAMATH	PALITA	07/02/2006	Nữ	P 2734225	Lào
30	252030	KEOCHANSY	PANITA	05/08/2006	Nữ	P 2384879	Lào
31	252031	KHANTHAMIXAY	PHETMANISONE	28/12/2006	Nữ	PA 0429339	Lào
32	252032	THAMMAVONGSA	PHIMMASONE	02/06/2006	Nữ	P 2956166	Lào
33	252033	SIMMALAYVONG	PHINITH	30/03/2004	Nam	P 2964535	Lào
34	252034	INTHAVONG	SANSANY	02/10/1993	Nữ	P 2229613	Lào
35	252035	OUTHITPANYA	SANYALAK	20/11/2006	Nam	P 2433978	Lào
36	252036	SENGTHAVONGPHON E	SENG OUTHIT	25/02/2007	Nam	P 2988023	Lào
37	252037	HUANG,	SHOU-YI	28/9/1973	Nam	314531716	Đài Loan Trung Quốc
38	252038	SEEPASEUTH	SOUDA	27/06/2003	Nữ	P 3105189	Lào
39	252039	PHENGSI AROUN	SOUKPASEUTH	19/01/2007	Nam	P 2951440	Lào
40	252040	NHOYSAYKHAM	SOULIDETH	17/04/2005	Nam	P 2526040	Lào
41	252041	ONSY	SOULIYADET	05/08/1991	Nam	P 2939503	Lào

Chữ ký

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
42	252042	MOUNSENA	SOULIYO	04/04/2006	Nam	P 3148777	Lào
43	252043	MANHTHONGSY	SOUPHINDA	16/05/2005	Nữ	P 2718629	Lào
44	252044	KIM	TAEKEON	10/3/2001	Nam	M950H7613	Hàn Quốc
45	252045	CHANTHAVONGSA	TOULAVANH	17/05/2004	Nữ	P 3104801	Lào
46	252046	ENKHMAA	TSEND-AYUSH	11/01/2005	Nữ	PE 0379704	Mông Cổ
47	252047	KHOUNPHILOM	THANAPHONE	08/03/2006	Nữ	P 2387522	Lào
48	252048	LATTANAPHON	THAVISOMBAT	17/12/2005	Nam	P 2921457	Lào
49	252049	PHONGXAYXANIT	THIN	16/04/2005	Nam	P 2568127	Lào
50	252050	VONGVILAY	VANMALA	16/06/2006	Nữ	P 2404034	Lào
51	252051	DE LEON SOL	WELTER ANTONIO	20/09/1997	Nam	N05055460	Mexico
52	252052	LIU,	XIUSHAN	08/04/2005	Nam	EN 8313038	Trung Quốc

Danh sách gồm 52 thí sinh./. 

